TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST- HNGĐ	*L, ngày 05 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - L

Căn cứ vào Điều 212, điều 213; Khoản 4 điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Tải Văn Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh L.

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh L, nay là Uỷ ban nhân dân xã B, tỉnh L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một T gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2025. Đến nay anh Đ, chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T có hai người con chung là cháu Tải Toàn N sinh ngày 29/10/2015 và cháu Tải Toàn Bsinh ngày 12/10/2020 . Khi ly hôn anh Đ, chị T thống nhất thoả thuận để anh Đ là

người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu Bcho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản: Anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Xét yêu cầu của anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 9 - L công nhận sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn là phù hợp các quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đã hết T hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải Đ tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T. Quan hệ hôn nhân của anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Tải Toàn N sinh ngày 29/10/2015 và cháu Tải Toàn Bsinh ngày 12/10/2020 cho anh Tải Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về lệ phí: Anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001452 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L. Xác nhận anh Tải Văn Đ và chị Phạm Thị T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hiền Lương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND KV9-L;
- THADS tỉnh L;
- Các đương sự,
- UBND xã B;
.- Lưu hồ sơ; VP.